

Yên Hưng Ngày tháng năm 2014

KẾ HOẠCH PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI NĂM 2015

-Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

-Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

A. Mục đích yêu cầu:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong xã.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn xã trong hoạt động phòng, chống thiên tai theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau thiên tai.
4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai có hiệu quả.
6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai của toàn dân trên địa bàn xã.
7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

B. Nội dung của “Kế hoạch phòng, chống thiên tai”:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

1. Đặc điểm tự nhiên

Yên Hưng một xã hạ huyện, cách trung tâm huyện 8 km về phía bắc ; cách Trung tâm tỉnh Yên Bái 30 km (phía đông) có đường tỉnh lộ 163 (Yên Bái- Khe Sang) chạy dọc qua xã 5km từ thôn 1,2,3,4,8 ;

- Phía Bắc giáp xã Yên Thái;
- Phía Nam giáp xã Báo Đáp của Huyện Trấn Yên;
- Phía Đông giáp xã Tân Đông của Huyện Trấn Yên;
- Phía Tây giáp xã Yên Hợp;

Địa hình dốc, đồi núi, bị chia cắt bởi khe suối, có sông Hồng chạy dọc theo địa bàn xã 4 km. Hàng năm trên địa bàn xã thường xảy ra ngập úng, lũ ống, sạt lở đất, gió lốc, gió xoáy, sét, địa hình đi lại khó khăn, độ dốc cao; Có dãy núi Tam Đại qua địa bàn xã (vị trí tại thôn 7 là thôn đặc biệt khó khăn 135)

Sông ngòi, hồ, đập: 08 công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn xã (có 02 đập thủy lợi được kiên cố: đập Gò Tấu, Khe Nụ) còn lại 6 hồ đập chưa được kiên cố.

Đất đai: Tổng diện tích đất tự nhiên:1076,74ha; Đất thổ cư: 71,36 ha; Đất nông nghiệp: 956,83ha trong đó:

Đất trồng lúa: 81,17ha; Đất trồng cây lâu năm: 91,18ha, Đất trồng cây hàng năm: 114,91 ha; Đất rừng: 733,50ha, Đất nuôi trồng thủy sản: 17,14ha; Đất khác:2,71ha (*Chi tiết về đặc điểm tự nhiên của xã tham khảo Bảng 1*).

xã có 6 dân tộc an hem cùng chung sống gồm: Dân tộc kinh, Dao, Tày , Mường, Hoa, Cao Lan. Dân theo đạo Thiên Chúa chiếm 53% tổng dân số trong xã.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng:

2.1. Tổng số hộ: 577 hộ với 2.220 nhân khẩu được phân bố trên địa bàn 08 thôn như sau :

TT	Tên thôn	Số hộ	Số khẩu	Trong đó		Hộ Nghèo	Người khuyết tật	Phụ nữ đơn thân	Người bị bệnh hiểm nghèo
				Nam	Nữ				
1	Thôn 1	96	337	167	170	16	6	3	2
2	Thôn 2	106	478	236	242	14	5	4	1
3	Thôn 3	96	391	181	210	13	11	2	2
4	Thôn 4	65	206	100	106	12	3	2	1
5	Thôn 5	45	182	89	93	8	2	1	2
6	Thôn 6	52	216	106	110	9	3	4	3
7	Thôn 7	75	272	132	140	31	3	4	0
8	Thôn 8	39	138	68	70	5	2	2	1
Cộng		577	2.220	1079	1141	108	35	22	12

2.2. Kinh tế xã hội:

* Cơ cấu kinh tế:

- + Nông lâm nghiệp là: 57,9%.
- + Công nghiệp - xây dựng: 21,4%
- + Dịch vụ thương mại: 20,7%

Trong đó:

a) Nông nghiệp:

- **Cây lúa:** Diện tích gieo cấy lúa nước cả năm 159,0 ha đạt 100% kế hoạch, năng suất bình quân trong năm đạt 53 tạ/ha/ năm, sản lượng: 842,5 tấn. So với kế hoạch đạt 105%

- **Diện tích ngô cả năm:** 85 ha trong đó: ngô trên đất 2 vụ lúa năm 2012 tính sản lượng năm 2013 là: 38,5 ha, ngô trên đất bãi: 15 ha so với kế hoạch đạt 100%, năng suất bình quân đạt: 33 tạ/ ha, sản lượng 449 tấn đạt: 100% so kế hoạch.

Ngô đông năm 2013 tính sản lượng 2014 là: 42,5 ha so với kế hoạch đạt 105%

- **Cây sắn :** Tổng diện tích là 180ha, trong đó sắn cao sản là 100%. Năng suất ước đạt 22 tấn/ ha tổng sản lượng = 3960 tấn, so với kế hoạch đạt: 100%. Canh tác sắn bền vững trên đất dốc: 30,5ha. So với kế hoạch đạt 100%

- Cây quế:

- **Cây chè :** Diện tích 13,5ha, giảm so với cùng kỳ; số diện tích chè tiếp tục giảm mạnh do giá cả thị trường xuống thấp không có đầu ra cho sản phẩm, cho nên nhân dân đã chặt bỏ nhiều để chuyển đổi sang trồng cây khác.

Một số cây màu khác: Như khoai lang, lạc, đậu tương với trị giá 670 triệu đồng.

+ Rau màu các loại: 35ha, Sản lượng: 441 tấn với trị giá 308 triệu đồng.

- Chăn nuôi :

- Đàn trâu: hiện có 228 con, trong đó trâu cái đẻ là 53 con (năm 2013)

- Đàn lợn: hiện có 1500 con (trị giá trên 3,3 tỷ đồng)

- Đàn gia cầm hiện có 25.126 con mổ và bán ra thị trường là 45 tấn/năm, trị giá Trên 3,1 tỷ đồng. so với kế hoạch đạt 121 %.

- **Về thủy sản:** Tổng 17,14 ha mặt nước, ao hồ. đã đưa vào chăn thả 14,2 ha Sản lượng 29 tấn, trị giá đạt: Trên 1,2 tỷ đồng. So với kế hoạch đề ra đạt 103%.

b). Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

-Vật liệu xây dựng: Sản xuất gạch 3 vanh, gạch chỉ cũng được duy trì .

- Có 2 xưởng chế biến gỗ bóc, 2 xưởng xẻ ,1 xưởng làm que kem cũng thu hút nhiều lao động thủ công trong xã.

- Về dịch vụ thương mại: nhân dân đã và đang trú trọng, các hàng quán tại chợ trung tâm cũng ngày càng phát triển .

- Các dịch vụ máy say xát, máy tuốt, máy cày bừa cũng phát triển thêm phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Dịch vụ vận tải: Toàn xã hiện có 20 xe ô tô vận tải hàng hóa và kinh doanh hàng nông lâm sản trên địa bàn.

Tổng giá trị thu nhập về công nghiệp, thương mại, dịch vụ ,vận tải năm 2013 là 9,2 tỷ.

2.3. Cơ sở hạ tầng:

Toàn xã có 5km đường tỉnh lộ Yên Bái - Khe Sang chạy qua được rải nhựa, có 11,9km đường giao thông liên thôn, trong đó có 8,5km đã được bê tông hóa đến các thôn trong xã nên đi lại từ xã đến các thôn tương đối thuận lợi. Có 7km đường giao thông thôn xóm nền đường rộng 3m tất cả chưa được cứng hóa, nên đi lại gặp rất nhiều khó khăn.

Hệ thống kênh mương toàn xã 08 công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn xã (có 02 đập thủy lợi được kiên cố: đập Gò Tấu, Khe Nụ) còn lại 6 hồ đập chưa được kiên cố. Tổng chiều dài hệ thống kênh mương trong toàn xã là 31.4 km, bao gồm 17,4km mương tưới chính và 14 km mương nội đồng, trong đó có 13,8 km đã được kiên cố, còn lại 3,6 km kênh mương chính và 14 km mương nội đồng chưa được kiên cố.

Hệ thống điện mới được đầu tư nâng cấp năm 2013. Nguồn cung cấp điện cho xã hiện tại có 5 trạm biến áp với tổng công suất 250 KVA được đặt tại thôn 1, thôn 2, thôn 4, thôn 5, thôn 7. Số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn là 100%.

Hệ thống trường học: Toàn xã có 1 trường mầm non, 1 trường Tiểu học cộng Trung học cơ sở. Trường mầm non được chia làm 2 khu, khu trung tâm thôn 2 và khu lẻ thôn 6.

Toàn xã có một trạm y tế được xây dựng nhà cấp IV, diện tích xây dựng là 300m², trong đó gồm 14 phòng dành cho thường trực và khám chữa bệnh, còn lại là các công trình phụ trợ.

Về văn hóa: Hiện nay xã chưa có nhà văn hóa riêng, các hoạt động vẫn dùng chung nhà hội trường của xã. Toàn xã có 8 thôn, 100% các thôn có nhà văn hóa riêng.

Về nhà ở: Hiện trạng chung về bố trí, sắp xếp dân cư và nhà ở, do nhân dân xây dựng tự phát, phân tán rải rác theo từng khu vực sản xuất nông lâm nghiệp và dọc theo các trục đường giao thông. Tổng số nhà xây trong toàn xã là 221 nhà đạt 42% còn lại là nhà gỗ.

Chi tiết về đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng tham khảo Bảng 2.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai :

Do địa hình của xã có độ dốc cao, có sông Hồng chạy qua, có dãy núi Tam Đại nằm trên địa bàn xã; 08 công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn xã (có 2 đập thủy lợi được kiên cố: đập Gò Tấu, Khe Nụ) còn lại 6 hồ đập chưa được kiên cố, chính vì vậy mỗi khi mưa kéo dài có nguy cơ gây ra lũ, lụt, ngập úng, sạt lở bờ sông, sạt lở ta luy ... đe dọa đến tính mạng và tài sản của Nhà nước và nhân dân địa phương.

Lũ, lụt: Thời gian xuất hiện từ tháng 5 đến tháng 9 âm lịch nhiều nhất là từ tháng 7-8 hàng năm; mỗi năm xuất hiện 4 - 5 lần; nước sông Hồng lên cao, chảy xiết do mưa lũ thượng nguồn đổ về hoặc do mưa to kéo dài gây ngập úng dài ngày. Lũ sông thường lên rất nhanh nhưng xuống rất chậm kéo dài thường từ 5 - 7 ngày, gây ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân địa phương, toàn bộ diện tích cây trồng như lúa, hoa màu bị thiệt hại, giảm năng suất cây trồng; nguy cơ xuất hiện các bệnh dịch cho người và gia súc, gia cầm là rất cao.

Lũ ống: Thời gian xuất hiện từ tháng 5-9 hàng năm, Thời gian xuất hiện trùng với thời gian xuất hiện ATNĐ, rãnh thấp mỗi năm 4- lần. Do địa hình xã (thôn 7) là thôn vùng núi cao, địa hình dốc có suối Ngòi Nhoi chảy qua và nằm sát dãy núi Tam Đại, nguy cơ xảy ra lũ ống rất cao; năm 2013 lũ ống xảy ra bất ngờ làm toàn bộ diện tích canh tác (2ha lúa), ao nuôi trồng thủy sản của người dân bị mất trắng không có thu hoạch và mất một phần đất canh tác không có khả năng khôi phục. Lũ xảy ra rất nhanh bất ngờ và thường xuất hiện vào ban đêm nên nguy cơ gây nên thiệt hại rất cao.

Gió xoáy, gió lốc: Thường xuất hiện vào tháng 4,5 gió mạnh xoáy, lốc, thời gian xảy ra rất nhanh, bất ngờ. Là loại hình thiên tai những năm trước đây ít xuất hiện tại địa phương; năm 2013, thời điểm xuất hiện vào ban đêm làm sập đổ hoàn toàn 02 ngôi nhà, tốc mái, hư hỏng 27 ngôi nhà và diện tích cây ngô 8ha (thôn 1) bị gãy đổ, hư hỏng hoàn toàn, không có thiệt hại về người.

Mưa đá, giông sét: Thường xuất hiện đột ngột sau một cơn giông, gió mạnh và trên diện rộng, đá to đường kính 2 - 2,5cm, gây thiệt hại trên diện rộng (thôn 2,3,4,5,6,7); gần 200 ngôi nhà của các hộ dân và 04 nhà văn hóa thôn bị hư hỏng mái (nhà lợp bằng proximi măng); 70% diện tích lúa, hoa màu bị dập nát và hư hỏng hoàn toàn, một số diện tích vườn ươm bị hư hỏng, cây quế bị róc vỏ kém chất lượng và giảm năng suất. Một số hộ gia đình bị hư hỏng xe máy do chủ quan để xe ở ngoài. Hư hỏng các loại thiết bị điện gia dụng, chết trâu bò do sét đánh.

Hạn hán: Hầu như năm nào cũng xuất hiện, thời gian xuất hiện từ tháng 3,4,5,6; làm ảnh hưởng chủ yếu đến các loại cây rau màu, cây lâm nghiệp đặc biệt là cây quế bị chết; xu thế của hạn hán có chiều hướng gia tăng, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao so với những năm trước đây.

Rét đậm rét hại: Xuất hiện nhiều trong những năm gần đây, đặc biệt năm 2008, 2013, 2014 rét đậm, rét hại xảy ra thời gian kéo dài hơn 1 tháng đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân đặc biệt là trẻ nhỏ, người già, ảnh hưởng đến cây trồng vật nuôi, nhiều diện tích cây trồng kém phát triển, năng suất giảm như cây ngô và một số loại cây màu khác.

(*Biểu 2.1; 2.2 Thông tin lịch sử thiên tai*) .

Trước tình hình thực tế của địa phương cùng với sự chỉ đạo của Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và các ngành chức năng của UBND huyện, UBND xã/Ban PCLB xã đã chủ động xây dựng kế hoạch Phòng chống thiên tai hàng năm, xây dựng các phương án xử lý tình huống khi có thiên tai xảy ra như ngập úng do nước Sông Hồng dâng cao tại thôn 1,2,3 hoặc do mưa to kéo dài; phương án xử lý khi xảy ra sạt lở đất, lũ ống tại thôn 7, thôn 8 hướng dẫn người dân làm chuồng chắn nuôi gia súc, gia cầm; dự trữ thức ăn cho trâu/bò đến nay không còn tình trạng trâu bò thả rông ngoài đồi như trước đây ...Tuy vậy tình hình thiên tai những năm gần đây xảy ra bất thường và rất khó lường nên công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện còn gặp nhiều khó khăn lúng túng mỗi khi thiên tai xảy ra trên địa bàn.

Nhận định chung về xu thế các loại hình thiên tai trong những năm gần đây tại địa phương: Các loại hình thiên tai xuất hiện đa dạng hơn, phức tạp hơn và khó lường; có loại hình thiên tai như gió lốc, gió xoáy, mưa đá khả năng cảnh báo, dự báo rất thấp thậm chí không cảnh báo, dự báo được; rét đậm rét hại kéo dài, lũ lụt xuất hiện nhiều hơn, mực nước sông Hồng dâng lên cao nhiều so với những năm trước đây gây sạt lở mất đất ở và đất canh tác ở những hộ dân ven sông.

Một số kinh nghiệm:

- Công tác phòng chống thiên tai là nhiệm vụ chính trị của cấp ủy, chính quyền các cấp và của cả cộng đồng, địa phương cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn gia đình, cộng đồng thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm (từ tháng 1 hoặc tháng 2 hàng năm) vì hiện nay thiên tai lũ, lụt thường xuất hiện sớm hơn so với trước đây.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng chống thiên tai, các loại hình thiên tai thường xảy ra tại địa phương thường xuyên; khi có thiên tai thường xuyên thông báo diễn biến thiên tai, cách phòng tránh cho cộng đồng được biết để đề phòng.

- Có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành đoàn thể các cấp trong công tác phòng chống thiên tai hàng năm tại địa phương; lồng ghép kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị của xã, các tổ chức, đoàn thể với công tác phòng chống thiên tai để tuyên truyền, tập huấn kiến thức cho đội ngũ cán bộ, hội viên thuộc tổ chức, đơn vị mình.

Nhận định về nguy cơ những loại hình thiên tai có thể xảy ra trong thời gian tới.

Theo thông báo của Trung tâm khí tượng thủy văn Quốc gia tình hình thiên tai năm 2014 và những năm tiếp theo có chiều hướng phức tạp hơn, bão, ATNĐ đến muộn hơn nhưng cấp độ mạnh hơn, khó lường; thời tiết, khí hậu có diễn biến phức tạp.

Chi tiết về tình hình thiên tai tham khảo Bảng 3.

2. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp:

Rủi ro thiên tai do lũ, lụt gây ra gây ngập úng dài ngày tại các thôn 1,2,3 gây thiệt hại về người và tài sản như: người có thể bị thiệt mạng hoặc bị thương; diện tích cây trồng lúa, hoa màu bị ngập úng dài ngày không có thu hoạch, giảm năng suất; các loại cây ăn quả, cây lâu năm bị chết do ngập úng; số lần xảy ra hàng năm từ 4-5 lần làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội của địa phương ; Một số hộ ven sông mất nhà ở do sạt lở ven sông, mất đất canh tác, nguy cơ tiềm ẩn rất cao nhất là mỗi khi nước lũ về đột ngột hoặc nước sông dâng lên cao về ban đêm; sức khỏe người dân bị ảnh hưởng do ngập úng dài ngày dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường do xác động vật rác thải từ thượng nguồn đổ về; nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm; đường lánh nạn thôn 1, thôn 2,3 bị chia cắt do một số đoạn còn chưa được bê tông hóa, hoặc bê tông hóa nhưng do nước lên nhanh, mực nước lớn nên bị chia cắt; 100% hộ dân vùng có nguy cơ cao không có áo phao, không có các phương tiện cảnh báo sớm như Đài ra đi ô, không có các trang thiết bị an toàn để phòng khi nước lũ về bất ngờ chưa kịp di dời.

Rủi ro thiên tai do sạt lở tại các thôn ven núi đặc biệt là thôn 7 rất cao có thể gây thiệt hại về người, tài sản: Người có thể bị thiệt mạng, bị thương, mất diện tích đất canh tác do sạt lở, giảm năng suất cây trồng...Ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân.

3. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân.

- Cán bộ và nhân dân thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, chưa được tập huấn kiến thức về phòng chống thiên tai

- Cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm, không có nhiều thời gian đầu tư công sức cho công tác PCTT, Trình độ năng lực của một số cán bộ cơ sở còn hạn chế.

- Trang thiết bị về cứu hộ cứu nạn cho ban phòng chống lụt bão xã/thôn thiếu, 100% hộ dân ven sông Hồng không có áo phao hoặc các phương tiện cứu hộ như thuyền, mảng.

- Hệ thống cảnh báo sớm từ xã đến các thôn không có (chưa được đầu tư trang bị), 95% hộ dân không có đài ra đi ô để nghe diễn biến thiên tai khi cần thiết.

- Không có nơi trú ẩn an toàn cho các hộ dân thôn 1,2,3,7

- Đường lánh nạn thôn 1,2,3,7 chưa đảm bảo an toàn, thường xuyên bị chia cắt mỗi khi có lũ về hoặc mưa to kéo dài.

- Không có các trang thiết bị vệ sinh môi trường, mặc dù địa phương đã thành lập tổ thu gom rác thải tại các thôn nhưng hiện nay chưa có xe thu gom.

- Không có nơi đổ rác tập trung (mặc dù đã quy hoạch nhưng chưa được đầu tư xây dựng).

- Không có hệ thống tiêu thoát nước.

4. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Yên Hưng là một xã miền núi của huyện Văn Yên tỉnh Yên Bái, tỷ lệ hộ nghèo còn cao, với 108 hộ/577 hộ = 18,7%; với 240 trẻ em dưới 6 tuổi, người già 529 người, người khuyết tật 35, phụ nữ đang mang thai và cho con bú dưới 12 tháng tuổi là 75 người, người bị bệnh hiểm nghèo hiện nay trên toàn xã là 10 người. Đây là những đối tượng mà địa phương thường xuyên quan tâm, đặc biệt trong phòng chống thiên tai các đối tượng này địa phương xây dựng phương án di dời, hỗ trợ, giúp đỡ, động viên khi cần thiết. Điều kiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã; một số hộ gia đình thôn 1, thôn 2, thôn 3 nằm ở khu vực thấp, trũng sát sông Hồng, trong toàn xã số các hộ sống trong nhà tạm, nhà kém an toàn còn nhiều. Đường liên thôn 1,2,3,7 có nguy cơ ngập úng, chia cắt gây khó khăn cho sinh hoạt và đời sống của người dân. Về sản xuất theo thống kê trên địa bàn xã người dân chủ yếu sản xuất nông, lâm nghiệp và chăn nuôi, do địa hình xã thuộc vùng trũng thấp dễ bị ngập úng đặc biệt là các thôn 1,2,3,7. Một số diện tích đất canh tác của nhân dân trong xã ven sông dễ bị sạt lở mất đất canh tác.

Chi tiết về các yếu tố dễ bị tổn thương tham khảo Bảng 4.

5. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó của cộng đồng:

Ủy ban nhân dân xã đã thành lập ban chỉ huy PCLB của xã với 31 thành viên, hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động và đã được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Các thôn đã thành lập các tiểu ban PCLB số thành viên là 56 thành viên (mỗi thôn 7 thành viên). Lực lượng cơ động, thanh niên xung kích, dự bị động viên, dân quân, cứu hộ cứu nạn sẵn sàng tham gia ứng phó khi có thiên tai xảy ra. Tuy nhiên cán bộ xã và lực lượng ở các thôn đều chưa được tập huấn về phòng chống rủi ro thiên tai, và thiếu các trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác phòng chống thiên tai. Khi có thiên tai ban chỉ huy PCLB sẽ chỉ huy lực lượng cơ động, sử dụng các phương tiện sẵn có như oto tải xe trâu, bò, mảng sơ tán người dân ra khỏi khu vực nguy hiểm nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp. Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, chỉ đạo cán bộ y tế xã chăm sóc sức khỏe cho nhân dân không để dịch bệnh xảy ra. Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán

Về cơ sở vật chất: Trụ sở UBND xã được dùng làm sở chỉ huy chính khi thiên tai xảy ra, các nhà văn hóa thôn được sử dụng làm nơi chỉ huy lực lượng tại chỗ. Hệ thống loa truyền thanh của các thôn được sử dụng để thông báo thông tin về thiên tai đến nhân dân.

Chi tiết về nguồn lực tham khảo Bảng 5.

6. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân

Nhận thức của người dân trong công tác phòng chống thiên tai còn nhiều hạn chế, chưa chủ động trong phòng ngừa và ứng phó cũng như việc khắc phục hậu quả thiên tai: 100% hộ dân vùng có nguy cơ cao (các hộ ven sông Hồng) không có các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn như áo phao/phao bơi, thuyền, bè... 95% hộ dân không có đài ra đi ô để nghe các thông tin cảnh báo về thiên tai, đa số các hộ mua sắm ti vi, đầu đĩa, điện thoại nhưng không có ra đi ô, đây là một thực tế khi mất điện các phương tiện cảnh báo khác hầu như không còn khả năng hoạt động vì vậy chính quyền và các ban ngành đoàn thể địa phương cần tập trung tuyên truyền vận động mỗi gia đình nên có đài /ra đi ô để phụ vụ cho công tác Phòng chống thiên tai nói riêng và các lĩnh vực văn hóa xã hội nói chung.

Một bộ phận người dân còn thờ ơ không quan tâm nhiều đến việc phòng tránh thiên tai, trông chờ ỷ lại vào chính quyền địa phương. Mặt khác người dân do chưa được tuyên truyền kiến thức về phòng chống thiên tai (Cán bộ Ban PCLB chưa được tập huấn) nên các hộ không biết cách xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai cho gia đình nên khi thiên tai xảy ra thường hay lung túng, hoặc chủ quan nên rủi ro thiệt hại về người và tài sản là rất cao.

III. Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

1. Tổ chức phòng ngừa

- Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng về phòng, chống thiên tai.
- Đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ, bố trí cán bộ chuyên trách.
- Các tổ chức đoàn thể lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai của xã vào kế hoạch hoạt động của tổ chức mình để nâng cao nhận thức cho cán bộ hộ viên, đoàn viên;
- Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai.
- Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh từ xã đến thôn, thôn đến hộ gia đình.
- Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với thiên tai và Biến đổi khí hậu chuyển đổi cơ cấu cây trồng đất canh tác khu vực thôn 1,2,3; rà soát khu vực thôn 1,2,3, thôn7 có kế hoạch di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ cao.
- Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai.
- Thực hiện tổng hợp các giải pháp: công trình và phi công trình (Chi tiết xem Mục II, Phụ lục 1).
- Lập kế hoạch nâng cấp nhà cộng đồng làm nơi sơ tán tại thôn 3,7, 6,8.

- Xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp các công trình thủy lợi.

2. Xây dựng phương án ứng phó

2.1. Phương án ứng phó thiên tai bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm: bờ bao, hồ, đập trên địa bàn xã
- Xây dựng phương án và địa điểm sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;
- Nâng cấp, đầu tư xây dựng hệ thống thông tin cảnh báo sớm đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc thông suốt đến các thôn/hộ gia đình.
- Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Xác định nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;
- Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động phòng, chống thiên tai (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ);
- Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai;
- Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến thiên tai; chuẩn bị địa điểm sơ tán; tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống thiên tai.

2.2. Phương án ứng phó với lũ, lụt, sạt lở đất:

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không đảm bảo an toàn; tập trung triển khai biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp;
- Thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng trong địa bàn xã;
- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất;
- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng;
- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, đập tràn, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác;
- Đảm bảo giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai;
- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, chỉ đạo cán bộ y

tế xã chăm sóc sức khỏe cho nhân dân không để dịch bệnh xảy ra. Hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán;

- Đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai;

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

* *Đối với hạn hán:*

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán;

- Kiến nghị vận hành hợp lý các hồ chứa nước có liên quan đến xã; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước;

- Nâng cấp, kiên cố hóa toàn bộ hệ thống kênh mương nội đồng.

- Các hộ gia đình sử dụng các dụng cụ dự trữ nước.

- Kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm;

* *Đối với sương muối, rét hại:*

- Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương;

- Triển khai chống rét và đảm bảo nguồn thức ăn cho gia súc;

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

- Chuẩn bị giống dự phòng

* *Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác :*

Căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

3. Tổ chức khắc phục hậu quả

3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

- Cấp cứu kịp thời người gặp nguy hiểm; tìm kiếm người, phương tiện mất tích;

- Tiếp tục sơ tán người ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên đối tượng dễ bị tổn thương;

- Lập các trạm cấp cứu tạm thời hoặc trung dụng có thời hạn trụ sở cơ quan, trường

học, cơ sở y tế tại khu vực có thiên tai để tiếp nhận cấp cứu người bị nạn;

- Xác định đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm tới đối tượng dễ bị tổn thương;

- Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;

- Dựng các lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở;

- Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu.

3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ:

- Thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;

- Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

- Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;

- Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

- Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện:

TT	Họ tên	Chức vụ	Vai trò trách nhiệm	Số điện thoại
1	Ông Trần Văn Lập	Chủ tịch UBND xã	Trưởng ban chỉ huy PCLB-TKCHCN chịu trách nhiệm chung.	01668038218
2	Ông Lưu Đức Nhận	Phó chủ tịch UBND xã	Phó ban trực chịu trách nhiệm thường trực tại ban chỉ huy dưới sự chỉ đạo của trưởng ban chỉ huy. Tổng hợp thông tin nắm chắc tình hình huy động lực lượng	01259959320

			phương tiện tại chỗ tham gia ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn, tại các thôn, các khu vực có thiên tai lũ quét sạt lở đất ngập úng.	
3	Ông: Nguyễn Thế Phương	Chỉ huy trưởng Quân sự	Phó ban chỉ huy- Chịu trách nhiệm tổng hợp thông tin, nắm chắc tình hình. Huy động lực lượng dân quân tại chỗ, phương tiện tại chỗ, phối kết hợp với các lực lượng tham gia ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn tại các khu vực xảy ra.	01699625039
4	Ông: Nguyễn Mạnh Tuân	Trưởng Công an xã	Ủy viên ban chỉ huy: Chịu trách nhiệm nắm tình hình, huy động, chỉ đạo lực lượng công an xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, bảo vệ tài sản của nhân dân.	0979288766
5	Ông Trần Công Thành	Cán bộ văn hóa thông tin	Ủy viên ban chỉ huy: Chịu trách nhiệm đảm bảo thông tin liên lạc khi có tình huống bão lụt xảy ra.	0962806836
6	Ông Phạm Anh Chiến	Cán bộ Văn phòng - Ủy viên ban chỉ huy	Chịu trách nhiệm vụ tổng hợp tình hình thiên tai, tổng hợp số liệu thiệt hại, báo cáo tình hình thiên tai với cơ quan cấp trên	0915877266
7	Bà: Hoàng Thị Thu Thùy	Cán bộ Kế toán	Ủy viên ban chỉ huy : Chịu trách nhiệm vụ cân đối kinh phí để đảm bảo công tác PCLB-TKCN trên địa bàn	01633222079
8	Ông: Trần Đức Định	Trưởng trạm y tế xã	Ủy viên ban chỉ huy Chịu trách nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng tham gia cứu hộ, cứu nạn, sơ cấp cứu cho người bị nạn, thực hiện công tác vệ sinh môi trường, khử trùng nguồn nước phòng dịch bệnh sau bão lũ.	
9	Bà: Đào Thị Thêu	Cán Bộ ĐC-NN	Ủy viên ban chỉ huy có nhiệm vụ thường trực tại ban chỉ huy dưới sự chỉ đạo của trưởng ban. Tổng hợp thông tin, nắm chắc tình hình huy động lực lượng, phương tiện tại chỗ tham gia ứng cứu, cứu hộ, cứu nạn tại các thôn, các khu vực có thiên tai lũ quét, sạt lở	0988195638

			đất, ngập úng.	
10	Các ông bà trưởng các ngành, đoàn thể:	MTTQ, Hội ND, hội PN, Hội CCB, Đoàn TN	Chịu trách nhiệm tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên tham gia ứng cứu khi có thiên tai xảy ra.	
11	Các ông, bà bí thư chi bộ, trưởng thôn trong toàn xã		Chịu trách nhiệm vụ thường xuyên báo cáo tình hình thiên tai về Ban chỉ huy xã, chịu sự chỉ đạo của Ban chỉ huy, vận động nhân dân chuẩn bị cơ sở vật chất theo phương châm vốn tại chỗ, khoanh vùng thường xuyên xảy ra thiên tai, vận động nhân dân di dời khỏi vùng thiên tai, tổ chức huy động nhân dân giúp đỡ sơ tán người và tài sản của nhân dân khi có thiên tai xảy ra.	

2. Xác định nguồn lực để thực hiện:

Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn xã là lực lượng tại chỗ thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai này, bao gồm:

Những khả năng của địa phương.

TT	Nguồn lực, vật tư, nhân lực, phương tiện nội lực.	Số lượng/ chủng loại	Người quản lý	Ghi chú
I	<u>Khả năng cá nhân</u>			
1	Lao động	1348	Các thôn, xã	Nam: 687 Nữ: 661
2	Số người biết bơi	250	Các hộ gia đình	Nam: 210 ; Nữ: 40
3	Số người biết sơ cấp cứu ban đầu	8	Trạm y tế	Nam:0 ; Nữ: 8
4	Số người biết sửa chữa máy nổ	15	Hộ Gia đình	Nam:15 Nữ: 0
5	Số người biết chằng chống nhà của khi bão lũ	600	Hộ gia đình, xã, thôn	Nam: 450 ; Nữ: 140
6	Thợ nề	120		Nam:80 Nữ: 40
7	Thợ mộc	10		Nam: 10 Nữ:
8	Người có kinh nghiệm và kiến thức về PCBL	670		Nam: 470 Nữ: 200
9	Chuyên viên trạm y tế	5	Trạm y tế	Nam: 3 Nữ : 2
II	<u>Khả năng trong cộng đồng</u>			
1	Lực lượng dân quân, cứu hộ, xung kích, canh đê, thông tin, thường trực,	242	UBND xã	Cụ thể theo bảng phân bổ nhân lực cho

	an ninh.			tùng thôn
2	Nhà cao tầng kiên cố			
3	Nhà bán kiên cố			
4	Ô tô	20		
5	Xe máy			
6	Xe công nông, đầu dọc			
7	Cơ sở thuốc cấp cứu	3	Trạm y tế	
8	Hệ thống truyền thanh	0		
9	Hộ có thu nhập bình quân 50 triệu đồng/người/năm	0		
10	Số phòng kiên cố CSSK ban đầu	0		
11	Số đội cấp cứu lưu động	3	Trạm y tế	
12	Hộ có người đi nước ngoài	2	UBND xã	
13	Cửa hàng tạp hóa (bán nhỏ)	12	UBND xã	
14	Máy điện thoại cố định	5% (hộ)		
15	Đất đá	0		
16	Cọc tre và tre cây	1500	Hộ gia đình	<i>Chi tiết phân bổ theo bảng phân bổ chi tiết vật tư và nhân lực PCLB năm 2014 của xã kèm theo.</i>
17	Sọt lưới sắt	0		
18	Bó rỗng tre	0		
19	Bao tải	0		
20	Vồ	500	Hộ dân	
21	Phên nứa, cốt	0		
22	Đèn pin	60% hộ		
23	Dao	100% hộ	Hộ dân	
24	Áo phao cứu sinh			

1. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá.

Phương án cụ thể. (Kế hoạch hoạt động một số nội dung trọng tâm trong công tác PCLB năm 2014)

TT	Hoạt động	Địa điểm	Người chịu	Người tham	Thời gian		Nguồn lực		
					Bắt đầu	Kết thúc	Nhân	Vật tư	Kinh phí

			trách nhiệm chính	gia			lực	Địa phương	Hỗ trợ bên ngoài	Địa phương	Hỗ trợ bên ngoài
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Kiểm toàn Ban CHPCLB	UBND xã	Chủ tịch UBND xã	Chánh VP	1/2015	1/2015					
2	Tập huấn kiến thức PCTT	UBND xã	Chủ tịch UBND xã	Cán bộ các ban ngành đoàn thể, các thôn	3/2015	4/2015		Hội trường	Dự án		
3	Truyền truyền kiến thức PCTT	Các thôn	Trưởng thôn, trưởng các đoàn thể	Hội viên, nhân dân	1 /2015	12/2015		Nhà văn hóa thôn			
4	Mua sắm các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn -Thuyền: 2 cái thôn 3 -Áo phao: 200 cái (xã, thôn); Phao cứu sinh 100 cái; - Máy phát điện 9 cái (xã, các thôn) -Màng 30 cái (nhựa PC)	UBND xã,	Trưởng ban PCLB xã	Ban PCLB xã, thôn, các hộ dân ven sông suối	2/2015	5/2015					Dự án
5	Phát tờ rơi, tranh	Các thôn	Trưởng thôn, trưởng các	Nhân dân	1/2015	12/2015		Nhà văn hóa thôn	Dự án		

			đoàn thể								
6	Xây dựng nơi trú ẩn an toàn: Thôn 3, thôn 7	Thôn	Chủ tịch UBND xã	Cán bộ các ban ngành đoàn thể, nhân dân	3/2015	9/2015		UBND xã, nhân dân đóng góp thêm			Dự án
7	Nạo vét nâng cấp các công trình thủy lợi Nâng cấp 16 công tưới, tiêu , 1,5 km mương nội đồng tại thôn 3	Hệ thống kênh mương trong xã	Chủ tịch UBND xã	Nhân dân	3/2015	12/2015	ĐP	ĐP	Hỗ trợ		Dự án
8	Nâng cấp hệ thống cảnh báo sớm:	Các thôn	Chủ tịch UBND xã	Nhân dân	1/2015	1/2015		ĐP			Dự án
9	-XD hệ thống loa truyền thanh từ xã-thôn Thôn- xã . -Loa cầm tay: 20 cái - Máy tính 03 cái (UBND xã) - Biển cảnh báo 10	Thôn, xã	Chủ tịch	1/2015	12/2015			ĐP			Dự án
10	Nâng cấp 2,5 km đường lánh nạn tại thôn 3,7	Các thôn	Chủ tịch UBND xã	T1/2015	12/2016			Đp			Dự án

4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo.

4.1. Tổng kết rút kinh nghiệm.

- Xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai phải cụ thể, chi tiết, sát thực với điều kiện cụ thể của địa phương.
- Tổ chức hội nghị đánh giá sơ kết, tổng kết trong năm thực hiện.
- Biểu dương, khen thưởng, kỷ luật (nếu có); nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các xã bạn và cộng đồng.
- Xây dựng các phương án, kế hoạch phòng chống thiên tai cho năm sau.
- Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác phòng, chống thiên tai.

4.2. Đề xuất các tiểu dự án ưu tiên để hỗ trợ KH phòng chống thiên tai.

TT	Công trình *	Phi công trình **
1	Xây dựng nhà tránh trú bão thôn 3, thôn 7	4..Hệ thống cảnh báo sớm :Hệ thống thông tin truyền thanh xã (Bộ tăng âm, loa, hệ thống dây truyền thanh, Máy tính xách tay 03 cái...)
2	Nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn 2.5 km tại thôn 3, thôn 7	5. Máy phát điện, áo phao, loa cầm tay, Thuyền cứu hộ 02 cái,...
3	Kiên cố hoá 7.5 km kênh mương nội đồng và 16 vị trí cống tưới tiêu	6.Tập huấn nâng cao nhận thức của cộng đồng về phòng chống thiên tai.

Trên đây là kế hoạch Phòng chống thiên tai năm 2015 của xã Yên Hưng huyện Văn Yên Tỉnh Yên Bái.

Nơi nhận:

- Trung ương hội phụ nữ Việt Nam (Đề b/c);
- UBND tỉnh Yên Bái (Đề b/c);
- UBND huyện Văn Yên;
- Các cơ quan chuyên môn của huyện;
- Đảng ủy xã Yên Hưng;
- Các thành viên BPCLB xã;
- Lưu: VP

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**

Trần Công Lập

Bảng 1. Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	Phía Bắc giáp: Yên Thái Phía Nam giáp: Báo Đáp – huyện Trấn Yên, xã Xuân Ái huyện Văn Yên Phía Đông giáp: Tân đồng huyện Trấn Yên Phía Tây giáp: Yên Hợp huyện Văn Yên	
II	Địa hình	- Miền núi: Có dãy núi Tam Đại (thôn 7 là thôn đặc biệt khó khăn 135)	
III	Sông ngòi	- Hệ thống sông lớn chảy qua: có sông Hồng chảy qua: 04km sông Hồng chảy qua địa bàn xã - Đặc điểm sông, suối: Có 01 suối ngòi Nhoi chảy qua xã (hàng năm thường xảy ra lũ quét) -Hồ, đập: 08 công trình hồ đập thủy lợi trên địa bàn xã (có 2 đập thủy lợi được kiên cố : đập Gò Tấu, Khe Nụ)	
IV	Đất đai	- Tổng diện tích đất tự nhiên:1076,74ha - Đất thổ cư:71,36ha - Đất nông nghiệp:956,83ha + Đất trồng lúa: 81,17ha + Đất trồng cây:91,18ha + Đất rừng:733,50ha + Đất nuôi trồng thủy sản:17,14ha - Đất khác:2,71ha	

V.	Loại hình thiên tai thường xảy ra tại địa phương	Ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất ta luy, hạn hán, rét đậm rét hại, lốc xoáy.	
----	--	---	--

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

ST T	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn								Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	7	8	
I	Dân cư											
1	Tổng số hộ: - Hộ khá - Hộ nghèo - Hộ cận nghèo	Hộ	574 421 108 45	96 74 16 6	106 85 14 7	96 76 13 7	65 32 12 21	45 24 8 13	52 36 9 7	75 39 31 5	39 29 5 5	
2	Tổng số dân	Người	2.220	337	478	391	206	182	216	272	138	
	<i>Nam</i>	Người	1079	167	236	181	100	89	106	132	68	
	<i>Nữ</i>	Người	1141	170	242	210	106	93	110	140	70	
3	Cơ cấu độ tuổi											
	Trẻ em dưới 6 tuổi	Người	226	30	33	44	32	18	25	35	9	
	<i>Trẻ em (Dưới 7-17 tuổi)</i>	Người	309	47	65	40	33	24	22	47	31	
	<i>Người già (Trên 60 tuổi)</i>	Người	221	30	43	46	15	16	17	25	29	
4	Số lao động trong độ tuổi	Người	1348	210	261	202	151	120	139	191	74	
	<i>Nam (16-60)</i>	Người	687	106	131	104	77	59	69	100	41	
	<i>Nữ (16-55)</i>	Người	661	104	130	98	74	61	70	91	33	
5	Dân tộc											
	<i>Kinh</i>	Người	1905	337	418	391	206	172	160	70	151	
	<i>Tày</i>	Người	134						36	98		
	<i>Dao</i>	Người	107	1			1	1		104		
	<i>Khác</i>	Người	18		5	3	1		18		1	
6	Tôn giáo (Thiên chúa giáo)		1163	270	270	250	152	112	81	28		
	Phật giáo		8	2	1				4	1		
II	Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập											
1	Nông nghiệp		956,83	118,96	98,36	131,44	107,09	108,02	92,35	212,6	88,01	
	<i>Diện tích trồng lúa</i>	ha	81,17	12,41	16,16	14,34	8,03	9,14	9,2	10,39	1,5	

	<i>Diện tích trồng hoa màu</i>		33,74	6,0	4,3	7,44	4,8	3,2	2,7	3,0	2,3	
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm :</i> <i>Trâu/bò</i>	con	254	50	30	37	14	11	32	70	10	
	<i>Lợn</i>		1408	120	320	107	250	221	163	170	57	
	<i>Gà</i>		15350	2000	4000	1300	450	2500	1200	2500	1400	
	...											
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	411	63	87	60	45	36	41	57	22	
	...											
2	Lâm nghiệp											
	<i>Diện tích trồng rừng</i>	Ha	733,50	85,4	64	93,19	82	83	70,2	184	72	
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	806	126	156	121	90	72	83	114	44	
	...											
3	Nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt cá											
	<i>Diện tích nuôi trồng thủy hải sản</i>	ha	17,14	2,72	4,2	0,96	1,56	1,18	1,65	4,26	0,61	
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	61	7	16	3	6	5	4	17	3	
	...											
4	Công nghiệp	Cơ sở	6	1			3	2				
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	35	3	0	0	22	10	0	0	0	
	...											
5	Tiểu thủ công nghiệp											
	<i>Số hộ gia đình trong ngành</i>	Hộ										
6	Dịch vụ											
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người	35	5	7	4	6	3	3	3	4	
III	Cơ sở hạ tầng, vật chất											
1	Công trình công cộng (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)											
	Trường học: -Trường THCS và Trường tiểu học: <i>Số phòng:</i> -Trường mầm non: <i>Số phòng</i>	Cái	1 12 2 9									
					1 7							
							1 12					
									1 2			

	Số hộ có điện thoại bàn	Hộ										
	Điện thoại di động	Cái	1483	248	274	248	168	116	134	194	101	

Bảng 3. Tình hình thiên tai gần đây (5 – 10 năm)

STT	Thiên tai	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Bài học kinh nghiệm nhằm giảm thiệt hại	Ghi chú
1	Lũ, lụt	7/2008	Thôn 1,2,3	<ul style="list-style-type: none"> -Chết 01 người (nam 19 tuổi) thuộc thôn 3 - Có 3 nhà thuộc thôn 3 bị ngập -5ha lúa bị mất trắng, 7ha màu bị mất trắng thuộc thôn 1,2,3 - 01 nhà thôn 2 bị sạt do nước lũ -Đường giao thông liên thôn bị ngập 1,5km tại khu vực cuối thôn 3, chia cắt giữa thôn 1thôn 2; Mất đất canh tác 3ha của cả 3 thôn do đất bị bồi lấp. 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cần cụ thể, chi tiết và sát thực - Cảnh báo sớm - Tổ chức di dời dân - Nâng cao ý thức cộng đồng về PCTT - Nâng cấp hệ thống đường liên thôn - Tổ chức thu hoạch sớm 	
2	Lũ ống, lũ quét	1/7/2013	Thôn 5,6,7. Trong đó thôn 7 nặng nhất	<ul style="list-style-type: none"> Mất diện tích đất canh tác khoảng 2ha không có khả năng khắc phục -Mất trắng hoàn toàn số diện tích 2ha không có thu hoạch - Mất trắng toàn bộ diện tích nuôi 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cần cụ thể, chi tiết và sát thực - Cảnh báo sớm - Tổ chức di dời dân - Nâng cao ý thức cộng đồng về PCTT - Nâng cấp hệ thống đường liên thôn - Tổ chức thu hoạch 	

				trồng thủy sản (20 cái ao nuôi cá của thôn7)	sớm	
3	Mưa đá	4/2010	Thôn 2,4,5,6,7	<ul style="list-style-type: none"> - Bị thương 01 người thôn 7 là nam giới - Một số hộ bị hỏng xe máy do đá rơi - Vỡ tấm lợp plu xi măng (160 hộ) và 04 nhà văn hóa của 4 thôn. - Lúa bị mất 70% diện tích của 4 thôn - Hoa màu bị mất hoàn toàn - Cây giống vườn ươm : keo, quế bị dập nát 70% - Một số diện tích cây công nghiệp quế róc vỏ bị ảnh hưởng chất lượng thu hoạch 	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cần cụ thể, chi tiết và sát thực - Cảnh báo sớm - kiên cố hóa nhà cửa - nâng cao ý thức cộng đồng về PCTT - chuẩn bị các giống dự phòng 	
4	Lốc xoáy	30/4/2013	Thôn 1	<ul style="list-style-type: none"> -Đổ hoàn toàn 02 hộ (ông Thảo, Anh Cảnh) -Tóc mái xiêu vẹo 20 nhà, một số công trình phụ - Hoa màu : Ngô 3ha mất trắng hoàn toàn - Cây ăn quả, cây lâu năm bị đổ 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch Phòng, chống thiên tai cần cụ thể, chi tiết và sát thực... - Cảnh báo sớm - Chằng chống nhà cửa - Tổ chức thu hoạch sớm - Chặt tỉa cành cây -chuẩn bị giống dự phòng 	
5	Hạn	Hàng	Diện rộng toàn	Diện tích lúa, hoa	-Nạo vét hệ thống kênh mương thường	

	hạn	năm	xã	màu cây công nghiệp trên địa bàn toàn xã ở các vị trí không có kênh mương, không lấy được nước tưới. Thiếu nước sinh hoạt	xuyên. -Nâng cấp hồ đập, kiên cố hóa kênh mương nội đồng -Chuyển đổi đất trồng lúa sang trồng các giống cây trồng chịu hạn Sử dụng các dụng cụ dự trữ nước.	
6	Rét đậm rét hại	1/2018	Toàn xã	-Mất diện tích mạ, rau màu - Một số ít hộ bị chết trâu /bò - Ảnh hưởng đến sức khoẻ con người	- Cảnh báo sớm - Dự trữ thức ăn cho gia súc gia cầm - Sử dụng các biện pháp bảo vệ cây trồng vật nuôi. - Chuẩn bị giống dự phòng	

Bảng 4: Tình trạng dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn									Ghi chú
				1	2	3	4	5	6	7	8	...	
I	Con người												
1	Trẻ em	Người	535	77	98	84	65	42	47	82	40		
	Trẻ em dưới 6 tuổi		226	30	33	44	32	18	25	35	9		
	Trẻ em từ 7-16 tuổi		309	47	65	40	33	24	22	47	31		
2	Người già	Người	220	29	43	46	15	16	17	25	29		
3	Người khuyết tật	Người	35	6	5	11	3	2	3	3	2		
4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người	75	12	13	14	10	5	10	10	1		
5	Phụ nữ đơn thân	Người	22	3	4	2	2	1	4	4	2		
6	Số hộ nghèo	Hộ	108	16	14	13	12	8	9	31	5		

7	Số hộ cận nghèo	Hộ	65	7	7	21	13	7	5	5	0		
8	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người	12	2	1	2	1	2	3	0	1		
9	Số người phai sơ tán, di dời trước thiên tai	Người		12	17	9	0	0	0	67	0		
	...												
II	Cơ sở hạ tầng												
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái	108	15	45	12	12	5	4	3	12		
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái	38	4	6	3	3	2	5	12	3		
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái	119	27	27	10	10	3	6	26	10		
4	Đường có nguy cơ cao (Ngập úng, sạt lở)	Km	2			2,5							
5	Đập, tràn có nguy cơ cao	cái	3	0	1	1	1	0	0	0	0	0	
6	Số hộ không có nhà vệ sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
7	Số hộ không có dụng cụ đựng nước	0											
III	Sản xuất												
1	Vùng dễ bị ngập lụt Trong đó : Diện tích trồng lúa: Diện tích trồng màu: Diện tích nuôi trồng thủy, hải sản:	ha		10,72	7,72	6,5							
			15	6	4								
			20	2	1	1							
			15	2,72	2.72	0,5							
2	Vùng dễ bị hạn hán Trong đó : Diện tích trồng lúa:	ha		4	24,7								
			10	3	4	2							

	Diện tích trồng màu: Cây công nghiệp		15 0	1	0,7 20	0,7							
3	Vùng dễ bị sạt lở mất đất canh tác (Bờ sông Hồng thuộc thôn 1,2,3)		km		2								

Bảng 5. Nguồn lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Phân chia theo thôn								Ghi chú (ghi chi tiết nếu cần)	
				1	2	3	4	5	6	7	8		
I	Con người												
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần: -Lãnh đạo UBND - Các đoàn thể	Người	17 12 5		7	7	7	7	7	7	7		
2	Lực lượng cơ động Thành phần: mỗi thôn 3 người	Người	24	3	3	3	3	3	3	3	3		
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần: Chia đều các thôn là lực lượng thanh niên	Người	94	13	14	9	15	10	13	13	7		

4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần: Các đoàn thể	Người	32	4	4	4	4	4	4	4	4	
5	Lực lượng dân quân Thành phần: Là lực lượng quân sự UBND xã 02 người còn lại các thôn	Người	55	10	12	7	5	5	5	6	5	
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần: Xã 01 chỉ huy trưởng còn lại các thôn	Người	20	3	4	3	2	2	2	2	2	
7	Lực lượng y tế Trong đó: Bác sỹ: Y sỹ Y tá Y tế thôn bản	Người	13 2 3 8									
II	Cơ sở hạ tầng											
1	Đường bê tông, đường di tản an toàn	Km	10,9	1,8	2,4	2,5	0,5	0,4	1,3	2		
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn Trường THCS	Cái	290	30	57	40	40	25	20	28	50	

	Mảng		5									
2	Hệ thống thông tin liên lạc											
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái	8	1	1	1	1	1	1	1	1	
	<i>Loa phóng thanh (Mỗi thôn 2 cái)</i>	Cái	16	2	2	2	2	2	2	2	2	
	<i>Hệ thống thông tin liên lạc đến các thôn</i>	Thôn	8									
	<i>Loa cầm tay</i>		5									
	<i>Điện thoại liên lạc: Điện thoại bàn Điện thoại di động</i>	Cái										
			1483	248	274	248	168	116	134	194	101	
	<i>Số hộ có Đai ra đi ô</i>	Hộ		0								
	...											
3	Vật tư dự trữ											
	<i>Tre, nứa...</i>	Cây	0	50								
	<i>Bao tải cát, rọ thép</i>	Cái	0	100	0	0	0	0	0	0	0	
	<i>Bạt</i>	Cái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	<i>Dây buộc</i>	Cuộn	100	1	0	0	0	0	0	0	0	
	<i>Cát, đá, sỏi</i>	Tấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	...											
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ											
	<i>Gạo</i>	Kg	0	1000								

	Sơ tán, di dời dân	Hộ	5													
	Diện tích hoa màu được thu hoạch sớm	Ha	5													
															
3	Tổ chức khắc phục, hậu quả															
	Tổng vệ sinh môi trường	Buổi	7													
	Gia cố lại nhà cửa		5													

7. Nước sạch vệ sinh môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng /nước máy tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tạm	Không có
Thôn 1	96	96		0		28	6	0
Thôn 2	106	101		0		70	5	0
Thôn 3	96	96		0		37	10	0
Thôn 4	65	65		0		37	2	0
Thôn 5	45	45		0		17	4	0
Thôn 6	52	52		0		16		0
Thôn 7	75	33		11		13		0
Thôn 8	39	39		0		18	8	0

8.Y tế, những dịch bệnh liên quan đến thiên tai thường gặp ở địa phương

Loại dịch bệnh liên quan đến người	Đối tượng (ghi rõ số người và năm)					
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người bị bệnh

						hiêm nghèo
Viêm đường hô hấp	360	121	68	50	14	4
Tiêu chảy	0,8	0,3	0	1	1	0

9.Các hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Diện tích/qui mô	% hộ tham gia	Thu nhập bình quân người/năm
	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	81 35	90%	
2	Sản xuất lâm nghiệp	733,5	0,9%	
3	Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp	3 xưởng chế biến gỗ	0,1%	